

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 28
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Diên Hy	Chủ tịch
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Yuichi Kato	Ủy viên
Ông Domingo Alonso	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Khoa Diệu Uyên	Giám đốc Nhân sự
Bà Đặng Thị Hương	Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Toàn	Giám đốc Công nghệ

(Miễn nhiệm ngày 29/04/2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Hồng	Ủy viên Ban Kiểm soát

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 cho Công ty.

### **CÔNG BỘ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Bình Dương**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 08 tháng 08 năm 2017 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.015.390.518.980</b>	<b>585.203.424.135</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>574.499.926.823</b>	<b>134.088.754.142</b>
111	1. Tiền		29.499.926.823	39.088.754.142
112	2. Các khoản tương đương tiền		545.000.000.000	95.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>242.150.000.000</b>	<b>202.371.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		242.150.000.000	202.371.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>144.730.377.419</b>	<b>240.888.991.133</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	137.711.917.022	228.900.064.920
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.062.645.497	4.288.749.069
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.955.814.900	7.700.177.144
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>48.028.377.274</b>	-
141	1. Hàng tồn kho		48.028.377.274	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.981.837.464</b>	<b>7.854.678.860</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.506.406.219	7.854.678.860
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.475.431.245	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>99.193.982.205</b>	<b>175.659.216.534</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.619.629.804</b>	<b>1.619.629.804</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.619.629.804	1.619.629.804
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>31.199.857.431</b>	<b>32.307.101.802</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	27.245.257.431	28.352.501.802
222	- Nguyên giá		55.323.688.986	54.950.942.568
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.078.431.555)	(26.598.440.766)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.954.600.000	3.954.600.000
228	- Nguyên giá		7.626.933.000	7.626.933.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.672.333.000)	(3.672.333.000)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>65.258.000.000</b>	<b>139.958.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		59.170.000.000	133.870.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.438.000.000	35.438.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.116.494.970</b>	<b>1.774.484.928</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.116.494.970	1.774.484.928
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.114.584.501.185</b>	<b>760.862.640.669</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>226.315.740.238</b>	<b>187.690.332.120</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>225.766.722.769</b>	<b>187.333.336.220</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	70.012.279.732	17.813.006.987
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.851.970.997	2.558.409.542
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	82.044.567.559	12.996.884.241
314	4. Phải trả người lao động		2.263.015.066	6.387.533.186
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	19.231.816.845	15.476.227.939
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	29.808.956.062	60.590.222.003
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	60.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.554.116.508	11.511.052.322
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>549.017.469</b>	<b>356.995.900</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	549.017.469	356.995.900
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>888.268.760.947</b>	<b>573.172.308.549</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>888.268.760.947</b>	<b>573.172.308.549</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		443.362.390.688	128.265.938.290
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		120.387.553.595	71.017.759.708
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		322.974.837.093	57.248.178.582
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.114.584.501.185</b>	<b>760.862.640.669</b>

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



Nguyễn Xuân Kiên  
Người lập

Dương Thị Thương  
Kế toán trưởng

Trần Bình Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.201.785.518.627	1.638.454.015.305
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.201.785.518.627	1.638.454.015.305
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.198.962.384.611	1.593.986.888.810
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.823.134.016	44.467.126.495
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	452.428.879.364	15.314.158.133
22	7. Chi phí tài chính	21	45.578.315.667	30.064.701.258
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		60.302.428	64.701.258
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.604.943.133	8.129.757.945
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		403.068.754.580	21.586.825.425
31	11. Thu nhập khác	23	661.363.636	546.238.116
32	12. Chi phí khác		-	2.831
40	13. Lợi nhuận khác		661.363.636	546.235.285
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		403.730.118.216	22.133.060.710
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	80.755.281.123	3.124.612.142
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		322.974.837.093	19.008.448.568

*JK*

*Thư*



Nguyễn Xuân Kiên  
Người lập

Dương Thị Thương  
Kế toán trưởng

Trần Bình Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		403.730.118.216	22.133.060.710
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.302.371.189	4.148.047.412
03	- Các khoản dự phòng		-	30.000.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(406.666.347.972)	(15.808.334.672)
06	- Chi phí lãi vay		60.302.428	64.701.258
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		426.443.861	40.537.474.708
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		91.683.182.469	(101.230.773.888)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(48.028.377.274)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.486.533.012)	82.345.259.447
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.006.262.599	1.075.852.087
14	- Tiền lãi vay đã trả		(104.219.095)	(64.701.258)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.529.600.012)	(14.824.238.543)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(835.320.509)	(3.077.467.112)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.131.839.027	4.761.405.441
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.195.126.818)	(1.803.021.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		661.363.636	3.380.359.134
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(190.000.000.000)	(108.345.138.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		150.221.000.000	74.037.755.556
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(75.400.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		499.569.802.512	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.035.181.824	15.274.274.475
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		465.292.221.154	(92.855.771.360)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		20.000.000.000	123.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(80.000.000.000)	(123.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.887.500)	(62.172.304.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(60.012.887.500)	(62.172.304.000)

SID  
TRẮC  
HÀN  
HOA

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		440.411.172.681	(150.266.669.919)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		134.088.754.142	288.163.740.092
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>574.499.926.823</u>	<u>137.897.070.173</u>

Nguyễn Xuân Kiên  
Người lập

Dương Thị Thương  
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

1170  
CÔNG T  
NHÌEM  
KIỂM  
AAS  
KIỂM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.930.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 203.930.000.000 đồng; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ truyền thông.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Công thông tin (không hoạt động báo chí);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);
- Dịch vụ nghiên cứu thị trường.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2017 giảm mạnh so với cùng kỳ 2016 vì các nguyên nhân sau:

- Trong kỳ, Công ty không phát sinh doanh thu dịch vụ SMS từ đầu số 997 do đối tác sở hữu đầu số đơn phương chấm dứt hợp đồng trong khi hiệu lực của hợp đồng có thời hạn đến năm 2023. Cùng kỳ năm trước doanh thu phát sinh từ việc khai thác đầu số này là 48 tỷ đồng. Đến ngày 30/06/2017, Công ty và các đối tác nêu trên vẫn đang trong quá trình giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này.
- Ngoài ra các dịch vụ truyền thông khác như dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ nội dung cũng sụt giảm do thị trường truyền thông gặp nhiều khó khăn, nguồn doanh thu thu được không đủ bù đắp hết các chi phí hoạt động trong kỳ.

Trong Quý 2 năm 2017, VMG đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Công ty con EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global payment service. Lợi nhuận từ giao dịch chuyển nhượng vốn đầu tư này là 398,9 tỷ đồng và được ghi nhận vào kết quả hoạt động tài chính trong kỳ, làm cho tổng lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

010  
C  
TRÁCH  
HÀNG  
A  
DAN KIL

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	1,5 - 03	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 04	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	
- Phần mềm máy tính	1,5 - 03	năm

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay phát sinh trong kỳ là các khoản thấu chi ngân hàng.

## 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận. Công ty phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	27.750.403	503.836.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.472.176.420	38.584.917.374
Các khoản tương đương tiền (*)	545.000.000.000	95.000.000.000
	<b>574.499.926.823</b>	<b>134.088.754.142</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng, có giá trị từ 10.000.000.000 VND đến 50.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến



#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	242.150.000.000	242.150.000.000	202.371.000.000	202.371.000.000
	<b>242.150.000.000</b>	<b>242.150.000.000</b>	<b>202.371.000.000</b>	<b>202.371.000.000</b>

Tại ngày 30/06/2017, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, có giá trị từ 50.000.000 VND đến 60.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>59.170.000.000</b>	-	<b>133.870.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (*)	-	-	74.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	50.500.000.000	-	50.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	8.670.000.000	-	8.670.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>35.438.000.000</b>	<b>(30.000.000.000)</b>	<b>35.438.000.000</b>	<b>(30.000.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (**)	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	5.438.000.000	-	5.438.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>650.000.000</b>	-	<b>650.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	-	650.000.000	-
	<b>95.258.000.000</b>	<b>(30.000.000.000)</b>	<b>169.958.000.000</b>	<b>(30.000.000.000)</b>

(\*) Ngày 16/05/2017, Công ty Cổ phần Truyền thông VMG đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global payment service. Tổng giá trị chuyển nhượng của hợp đồng là: 519.187.815.751 đồng, giá gốc khoản đầu tư vào Công ty con là: 74.700.000.000 đồng, chi phí liên quan đến việc bán Công ty con là: 45.518.013.239 đồng. Lợi nhuận từ việc bán khoản đầu tư này là: 398.969.802.512 đồng.

(\*\*) Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của VMG) đã ban hành Quyết định giải thể Công ty với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng và triển vọng phục hồi. Hiện nay Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo đang làm các thủ tục quyết toán thuế để giải thể công ty.

Ngoài ra, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,50%	50,50%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ truyền thông

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	25,50%	25,50%	Dịch vụ truyền thông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20%	20%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty

**Đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamNet)	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	1.863.605.026	39.683.951.129
Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	2.319.875.725	50.105.406.931
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi Nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	71.728.371.653	5.186.946.259
Phải thu của khách hàng khác	61.800.064.618	133.923.760.601
	<b>137.711.917.022</b>	<b>228.900.064.920</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sky Music	441.202.012	-	529.202.012	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du	-	-	2.019.000.000	-
Trả trước người bán khác	1.621.443.485	-	1.740.547.057	-
	<b>2.062.645.497</b>	<b>-</b>	<b>4.288.749.069</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về BHXH	9.277.278	-	4.127.500	-
Tạm ứng	4.812.801.931	-	7.541.371.422	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	118.735.691	-	154.678.222	-
	<b>4.955.814.900</b>	<b>-</b>	<b>7.700.177.144</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.619.629.804	-	1.619.629.804	-
	<b>1.619.629.804</b>	<b>-</b>	<b>1.619.629.804</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	48.028.377.274	-	-	-
	<b>48.028.377.274</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	26.182.883.143	24.541.275.789	4.226.783.636	54.950.942.568
- Mua trong kỳ	-	30.263.636	2.164.863.182	2.195.126.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
- Phân loại lại	-	(222.380.400)	-	(222.380.400)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.182.883.143</b>	<b>24.349.159.025</b>	<b>4.791.646.818</b>	<b>55.323.688.986</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	3.738.333.872	20.353.360.862	2.506.746.032	26.598.440.766
- Khấu hao trong kỳ	523.657.662	2.163.420.753	615.292.774	3.302.371.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
- Phân loại lại	-	(222.380.400)	-	(222.380.400)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.261.991.534</b>	<b>22.294.401.215</b>	<b>1.522.038.806</b>	<b>28.078.431.555</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	22.444.549.271	4.187.914.927	1.720.037.604	28.352.501.802
Tại ngày cuối kỳ	<b>21.920.891.609</b>	<b>2.054.757.810</b>	<b>3.269.608.012</b>	<b>27.245.257.431</b>

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.312.283.789 đồng.

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	3.954.600.000	3.672.333.000	7.626.933.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.954.600.000</b>	<b>3.672.333.000</b>	<b>7.626.933.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	3.672.333.000	3.672.333.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.672.333.000</b>	<b>3.672.333.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	3.954.600.000	-	3.954.600.000
Tại ngày cuối kỳ	<b>3.954.600.000</b>	<b>-</b>	<b>3.954.600.000</b>

(\*): Là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ: 96-98 đường Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là: 252,8 m<sup>2</sup> với mục đích sử dụng là làm văn phòng và cho thuê.

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.672.333.000 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.232.174	-
Chi phí trả trước của dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng trên mạng di động Vinaphone, Mobifone và Viettel	1.154.174.045	7.854.678.860
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	275.000.000	-
	<b>1.506.406.219</b>	<b>7.854.678.860</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng trả trước	591.494.970	1.774.484.928
Chi phí trả trước dài hạn khác	525.000.000	-

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT	64.585.610.447	64.585.610.447	4.893.027.146	4.893.027.146
Công ty Cổ phần CT&T	1.731.090.398	1.731.090.398	132.021.300	132.021.300
Phải trả các đối tượng khác	3.695.578.887	3.695.578.887	12.787.958.541	12.787.958.541
	<b>70.012.279.732</b>	<b>70.012.279.732</b>	<b>17.813.006.987</b>	<b>17.813.006.987</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	6.869.004.667	-	6.869.004.667	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.529.600.012	80.755.281.123	4.529.600.012	80.755.281.123
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.478.409.686	1.545.288.917	2.756.126.154	267.572.449
- Các loại thuế khác	119.869.876	1.764.038.741	862.194.630	1.021.713.987
	<b>12.996.884.241</b>	<b>84.064.608.781</b>	<b>15.016.925.463</b>	<b>82.044.567.559</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	43.916.667
- Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc	13.324.962.917	10.923.710.233
- Chi phí phải trả khác	5.906.853.928	4.508.601.039
	<b>19.231.816.845</b>	<b>15.476.227.939</b>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.612.078.311	2.799.344.311
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	195.404.000	56.200.404.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.039.118.750	1.052.006.250
- Phải trả thù lao công việc từ việc bán cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (*)	25.900.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.355.001	538.467.442
	<u>29.808.956.062</u>	<u>60.590.222.003</u>

(\*): Chi phí trích thưởng từ việc bán cổ phần thành công mức 5% trên tổng số tiền Công ty thực nhận được từ việc bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT để chi thưởng cho các cá nhân có sự đóng góp lớn tại VMG và Epay sau khi giao dịch bán cổ phần thành công theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	549.017.469	356.995.900
	<u>549.017.469</u>	<u>356.995.900</u>

11  
ĐNG  
NHIE  
3 KI  
A  
NH

**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

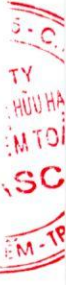
**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	152.223.787.220	597.130.157.479		
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	19.008.448.568	19.008.448.568		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(81.556.000.000)	(81.556.000.000)		
Số dư cuối kỳ trước	203.930.000.000	239.364.150.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	89.676.235.788	534.582.606.047		
Số dư đầu năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	128.265.938.290	573.172.308.549		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	322.974.837.093	322.974.837.093		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.878.384.695)	(7.878.384.695)		
(*)									
Số dư cuối kỳ này	203.930.000.000	239.364.150.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	443.362.390.688	888.268.760.947		

(\*): Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22/06/2017 mức tối đa bằng 15% lợi nhuận sau thuế năm 2016, nhưng không vượt quá 2,34 tháng lương thực hiện bình quân năm 2016.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017		01/01/2017		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	57.720.000.000	28,30%	57.720.000.000	28,30%	28,30%
NTT DOCOMO Inc	49.999.980.000	24,52%	49.999.980.000	24,52%	24,52%
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	45.000.000.000	22,07%	45.000.000.000	22,07%	22,07%
Các đối tượng khác	51.210.020.000	25,11%	51.210.020.000	25,11%	25,11%
	<b>203.930.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	203.930.000.000	203.930.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	81.556.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	81.556.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.000	4.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000	4.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.389.000	20.389.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.389.000	20.389.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Cổ tức</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:	397.585.500.000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	397.585.500.000	-
	<b>397.585.500.000</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22/06/2017, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận thu được từ việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT và nguồn lợi nhuận để lại từ các năm trước.

Việc chi trả khoản cổ tức này được thực hiện theo quyết định số 53/QĐ-HĐQT ngày 21/07/2017 và khoản cổ tức này đã được chi trả vào ngày 27/07/2017.

f) Các quỹ công ty	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.723.420.259	1.723.420.259
	<b>1.723.420.259</b>	<b>1.723.420.259</b>

## 17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2017	01/01/2017
Loại ngoại tệ		
- USD	28.873,4	14.552,49
- EUR	156,55	162,01



18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.519.363.636	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.157.266.154.991	1.638.454.015.305
	<b>1.201.785.518.627</b>	<b>1.638.454.015.305</b>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.509.181.818	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.154.453.202.793	1.593.986.888.810
	<b>1.198.962.384.611</b>	<b>1.593.986.888.810</b>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.035.181.824	8.764.274.475
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	444.487.815.751	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.510.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	498.630	39.883.658
Lãi chiết khấu thanh toán	905.383.159	-
	<b>452.428.879.364</b>	<b>15.314.158.133</b>

(\*) Chi tiết tại thuyết minh số 4.

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	60.302.428	64.701.258
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính (*)	45.518.013.239	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	30.000.000.000
	<b>45.578.315.667</b>	<b>30.064.701.258</b>

(\*) Chi tiết tại thuyết minh số 4.

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.109.738	24.777.114
Chi phí nhân công	4.322.886.419	5.851.557.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	536.039.240	92.539.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	757.929.930	1.109.433.521
Chi phí khác bằng tiền	958.977.806	1.051.450.140
	<b>6.604.943.133</b>	<b>8.129.757.945</b>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	661.363.636	534.060.197
Thu nhập khác	-	12.177.919
	<b>661.363.636</b>	<b>546.238.116</b>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	403.730.118.216	22.133.060.710
Các khoản điều chỉnh	46.287.400	(6.510.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(6.510.000.000)
- Chi phí không hợp lệ	46.287.400	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	403.776.405.616	15.623.060.710
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>80.755.281.123</b>	<b>3.124.612.142</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.529.600.012	12.824.238.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.529.600.012)	(14.824.238.543)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>80.755.281.123</b>	<b>1.124.612.142</b>

**25 . CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.117.593	263.293.833
Chi phí nhân công	19.525.564.547	22.238.099.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.302.371.189	4.148.047.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.135.552.696.292	1.572.090.037.534
Chi phí khác bằng tiền	2.503.396.305	3.377.168.811
	<b>1.161.058.145.926</b>	<b>1.602.116.646.755</b>

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	574.499.926.823	-	134.088.754.142	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.287.361.726	-	238.219.871.868	-
Các khoản cho vay	242.150.000.000	-	202.371.000.000	-
Đầu tư dài hạn	650.000.000	-	650.000.000	-
	<b>961.587.288.549</b>	<b>-</b>	<b>575.329.626.010</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	-	60.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	100.370.253.263	78.760.224.890
Chi phí phải trả	19.231.816.845	15.476.227.939
	<b>119.602.070.108</b>	<b>154.236.452.829</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	-	<b>650.000.000</b>	-	<b>650.000.000</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	-	<b>650.000.000</b>	-	<b>650.000.000</b>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	574.499.926.823	-	-	574.499.926.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.667.731.922	1.619.629.804	-	144.287.361.726
Các khoản cho vay	242.150.000.000	-	-	242.150.000.000
	<b>959.317.658.745</b>	<b>1.619.629.804</b>	<b>-</b>	<b>960.937.288.549</b>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.088.754.142	-	-	134.088.754.142
Phải thu khách hàng, phải thu khác	236.600.242.064	1.619.629.804	-	238.219.871.868
Các khoản cho vay	202.371.000.000	-	-	202.371.000.000
	<b>573.059.996.206</b>	<b>1.619.629.804</b>	<b>-</b>	<b>574.679.626.010</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	99.821.235.794	549.017.469	-	100.370.253.263
Chi phí phải trả	19.231.816.845	-	-	19.231.816.845
	<b>119.053.052.639</b>	<b>549.017.469</b>	<b>-</b>	<b>119.602.070.108</b>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	78.403.228.990	356.995.900	-	78.760.224.890
Chi phí phải trả	15.476.227.939	-	-	15.476.227.939
	<b>153.879.456.929</b>	<b>356.995.900</b>	<b>-</b>	<b>154.236.452.829</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	VND	VND
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức thấu chi ngân hàng:	20.000.000.000	123.000.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo hình thức thấu chi ngân hàng:	(80.000.000.000)	(123.000.000.000)

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ.

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Nguyễn Xuân Kiên  
Người lập

Dương Thị Thương  
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017